

## Nghiên cứu

DOI: 10.59715/pntjimp.4.1.4

# Kiểm tra tính giá trị và độ tin cậy của bộ câu hỏi nhận thức hiệu quả bản thân (SECP) trên sinh viên điều dưỡng

Đoàn Minh Nhựt<sup>1</sup>, Nguyễn Vy Vân Thảo Ngân<sup>1</sup>, Diệp Nguyễn Bảo Phúc<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Bộ môn Gây mê hồi sức, Khoa Điều dưỡng Kỹ Thuật Y Học, Đại học Y Dược, Thành phố Hồ Chí Minh

### Tóm tắt

**Đặt vấn đề:** Nhận thức hiệu quả bản thân trong học tập là một trong những yếu tố then chốt trong việc thực hiện các mục tiêu học tập, xây dựng động lực, ảnh hưởng đến hiệu suất và thành tích học tập. Nghiên cứu nhằm xác định tính giá trị và độ tin cậy của bộ câu hỏi SECP (Self-Efficacy in Clinical Performance) phiên bản Tiếng Việt dùng để đánh giá nhận thức hiệu quả bản thân của sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 230 sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 2 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024. Bộ công cụ sau khi chuyển ngữ xong, đã xin ý kiến 4 chuyên gia thuộc các lĩnh vực giáo dục điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức. Tính giá trị nội dung của bộ công cụ theo chỉ số S - CVI (chỉ số giá trị nội dung của từng câu hỏi I - CVI, chỉ số giá trị nội dung của toàn bộ câu hỏi S - CVI). Đánh giá độ tin cậy nội bộ của bộ câu hỏi qua chỉ số tương quan nội bộ ICC, hệ số tin cậy Cronbach's alpha.

**Kết quả:** Độ tin cậy nội bộ của bộ câu hỏi SECP cao, với chỉ số Cronbach's Alpha cho toàn bộ bảng câu hỏi là 0,96 và 0,91 - 0,92 cho các lĩnh vực của thang đo. Độ tin cậy kiểm tra - kiểm tra lại (ICC) trong nghiên cứu dao động từ 0,61 - 0,80 ( $p < 0,05$ ). Tính giá trị nội dung I - CVI; S - CVI của các nội dung đánh giá của cả bộ câu hỏi SECP đều bằng 1,0.

**Kết luận:** Phiên bản tiếng Việt của bộ câu hỏi SECP có tính nhất giá trị cao và độ tin cậy cao trong việc đánh giá nhận thức hiệu quả bản thân của sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức.

**Từ khóa:** Nhận thức hiệu quả bản thân, điều dưỡng gây mê hồi sức, SECP.

### Abstract

## Checking the validity and reliability of the self - efficacy perception questionnaire (SECP) among nursing students

**Objectives:** Self-efficacy in learning is one of the key factors in achieving learning goals, building motivation, influencing performance and learning achievement. Determine the reliability and validity of the Vietnamese version of the SECP questionnaire used to assess the self - efficacy among nurse Anesthesia students.

**Subject and method:** Descriptive cross - sectional research design on 230 Nurse Anesthesia students at University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, from February 2024 to July 2024. After the translation of the questionnaire is completed, the researcher would consult with 4 experts in the fields of nursing Anesthesia education. Evaluate the content validity of the questionnaire questions through the CVI index (content value index for each question: I - CVI, content value index for the entire set of questions: S - CVI). Assess the internal reliability of the questionnaire through the internal correlation index ICC, Cronbach's alpha reliability coefficient.

**Ngày nhận bài:**

13/8/2024

**Ngày phân biện:**

20/9/2024

**Ngày đăng bài:**

20/01/2025

**Tác giả liên hệ:**

Đoàn Minh Nhựt

**Email:** doanminhnhut@

ump.edu.vn

**ĐT:** 0843687930

**Results:** The internal reliability of the SECP questionnaire is high, with a Cronbach's Alpha index for the entire questionnaire of 0.96 and 0.91 - 0.92 for the scale domains. Test-retest reliability (ICC) in the study ranged from 0.61 - 0.80 ( $p < 0.05$ ). Calculate I - CVI content validity; The S - CVI of the assessment content of the entire SECP question set is equal to 1.0.

**Conclusion:** The Vietnamese version of the SECP questionnaire has high validity and high reliability in assessing the self - efficacy among Nurse Anesthesia students.

**Keywords:** Self - efficacy, Nurse Anesthesia, SECP.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiều nghiên cứu về giáo dục đã chỉ ra rằng nhận thức hiệu quả bản thân trong học tập là một trong những yếu tố then chốt trong việc thực hiện các mục tiêu học tập, xây dựng động lực, ảnh hưởng đến hiệu suất và thành tích học tập; ngoài ra nhận thức hiệu quả bản thân còn tác động đến niềm tin, cảm xúc của sinh viên trong quá trình đối mặt với các thử thách từ đời sống [1], [2], [3]. Những cá nhân có nhận thức hiệu quả bản thân cao có thể đặt ra những mục tiêu đầy triển vọng, chấp nhận những thách thức quan trọng, hoàn thành nhiệm vụ học tập hiệu quả và sử dụng nhiều chiến lược học tập tốt hơn [4]. Việc đo lường mức độ nhận thức hiệu quả bản thân của sinh viên đóng vai trò là một yếu tố dự đoán quan trọng về thành tích học tập của sinh viên và liên quan đến việc đáp ứng các năng lực cần thiết trong nghề nghiệp thực hành sau tốt nghiệp [5], [6], [7]. Đối với sinh viên ngành y tế nói chung thì nhận thức hiệu quả bản thân cùng với kết quả học tập, đã được chứng minh là ảnh hưởng tích cực đến hiệu suất lâm sàng của các sinh viên ngành chăm sóc sức khỏe [8], [9]. Đặc biệt, nhóm sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức phải đối mặt với những thách thức khó khăn đặc thù so với các nhóm chuyên ngành khác trong lĩnh vực giáo dục điều dưỡng. Trong những năm đầu tiên thực tập lâm sàng, khi sinh viên điều dưỡng bước vào môi trường đầy thách thức tại các bệnh viện, họ phải đối mặt với sự khó khăn do cảm giác lo âu, cảm thấy không chắc chắn và thiếu tự tin do sự gia tăng đột ngột của trách nhiệm và vai trò nghề nghiệp, cùng với sự thiếu hụt kiến thức và kinh nghiệm thực tế [9],[10].

Hiện nay trên thế giới, hầu hết các nhà nghiên cứu sử dụng thang đo, bộ câu hỏi đo lường mức độ nhận thức hiệu quả bản thân

chung cho các ngành nghề, lĩnh vực bao gồm cả đối tượng là sinh viên điều dưỡng. Chỉ một số ít nghiên cứu đánh giá bằng thang đo dành riêng cho sinh viên điều dưỡng, đặc biệt là trong môi trường thực tập lâm sàng như bộ công cụ SECP (Self - Efficacy in Clinical Performance). SECP đã được sử dụng và mang lại giá trị trong các nghiên cứu về sự nhận thức hiệu quả bản thân ở sinh viên Điều dưỡng. Tính ứng dụng của SECP rất đa dạng và có thể được triển khai trong nhiều khía cạnh của giáo dục điều dưỡng như: đánh giá mức độ tự tin của sinh viên trong việc thực hiện các kỹ năng lâm sàng, từ đó xác định những điểm mạnh và điểm yếu cần cải thiện; ngoài ra, SECP còn có thể ứng dụng trong phát triển chương trình đào tạo, đảm bảo rằng các khóa học và thực hành lâm sàng đáp ứng được nhu cầu và khả năng của sinh viên; cũng như vấn đề hỗ trợ học tập cá nhân hóa: cung cấp thông tin chi tiết về từng sinh viên, giúp giảng viên thiết kế các phương pháp giảng dạy và hỗ trợ học tập phù hợp với từng cá nhân khi thực hành lâm sàng. Bằng cách sử dụng SECP, nhà trường có thể đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy hiện tại và thực hiện các cải tiến cần thiết để nâng cao chất lượng giảng dạy [3], [6],[10],[14].

Bộ câu hỏi SECP do Cheraghi và cộng sự thiết kế xây dựng ở Iran vào năm 2009 với mong muốn có thể dự đoán được hiệu quả bản thân của các sinh viên điều dưỡng qua từng hoạt động của quy trình điều dưỡng trong thực tập lâm sàng [11]. Tại Việt Nam, bảng câu hỏi SECP chưa được dịch và chuẩn hóa sang tiếng Việt. Vì vậy, để có thêm bằng chứng khoa học sử dụng trong thực hành giáo dục lâm sàng chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu đánh giá tính giá trị và độ tin cậy của thang của bộ câu hỏi SCEP.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu: cắt ngang

2.2. Địa điểm nghiên cứu: Khoa Điều Dưỡng - Kỹ thuật Y Học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Thời gian nghiên cứu: từ tháng 2 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024

### 2.4. Đối tượng nghiên cứu

Dân số mục tiêu: Sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức, Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y Học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đang thực tập lâm sàng về chuyên ngành tại bệnh viện.

Dân số chọn mẫu: Sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức, Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y Học, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm ba (niên khóa 2021 - 2025) và năm tư (niên khóa 2020 - 2024) đang thực tập lâm sàng về chuyên ngành tại phòng mổ của các bệnh viện.

### 2.5. Cỡ mẫu

Chọn mẫu toàn bộ. Dựa vào danh sách sinh viên sẵn có và tiêu chí chọn mẫu, tiến hành chọn mẫu thuận tiện, chọn toàn bộ 205 sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh niên khóa 2021 - 2025 và 2020 - 2024 (sau khi đã loại 25 sinh viên dùng để nghiên cứu thử nghiệm bảng câu hỏi)

### 2.6. Công cụ và quy trình thu thập số liệu

Công cụ: Nghiên cứu này sử dụng bộ câu hỏi SECP trong nghiên cứu "Developing a valid and reliable self - efficacy in clinical performance scale" của tác giả Cheraghi và cộng sự (2009) với hệ số Cronbach's alpha tổng cộng là 0,96 cho thang đo tổng thể (37 mục) và phạm vi từ 0,9 đến 0,922 cho 4 lĩnh vực bên trong của bộ câu hỏi. Bộ câu hỏi khảo sát nguyên gốc bằng tiếng Anh, được dịch sang tiếng Việt bằng quá trình dịch ngược để đảm bảo tính giá trị của bộ câu hỏi [11].

### Quy trình nghiên cứu

Bước 1: Sau khi xin phép tác giả, chúng tôi sử dụng bộ câu hỏi SECP bao gồm 37 câu đánh giá về nhận thức hiệu quả bản thân của sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức, sau đó tiến hành quy trình dịch thuật và chuyên ngữ.

Bước 2: Xin ý kiến chuyên gia về bộ câu hỏi SECP đã chuyên ngữ. Tổng hợp, điều chỉnh lại bộ câu hỏi.

Bước 3: Dùng bộ câu hỏi để tiến hành khảo sát thử trên 25 sinh viên để chỉnh sửa từ ngữ khó hiểu hoặc dễ gây nhầm lẫn.

Bước 4: Tiến hành đánh giá tính tin cậy nội bộ của bộ câu hỏi chuyên ngữ theo chỉ số Cronbach's alpha và chỉ số ICC.

Bước 5: Tập huấn cho người thu thập số liệu về nội dung và cách thức tiến hành nghiên cứu.

Bước 6: Tiến hành nghiên cứu trên sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức năm ba (niên khóa 2021 - 2025) và năm tư (niên khóa 2020 - 2024).

Bước 7: Lập kế hoạch phân tích và làm sạch số liệu nhằm đưa ra kết quả nghiên cứu.

### Quy trình lấy mẫu

- Nghiên cứu viên liên hệ ban cán sự, sắp xếp buổi gặp gỡ các lớp Cử nhân chính quy điều dưỡng GMHS năm ba (niên khóa 2021 - 2025) và năm tư (niên khóa 2020 - 2024) tại Đại giảng đường của Khoa.

- Nghiên cứu viên cung cấp đầy đủ, rõ ràng và chi tiết các thông tin về nghiên cứu.

- Nếu tham gia vào nghiên cứu, SV sẽ được nhận một bảng đồng thuận tham gia nghiên cứu để họ kí tên xác nhận.

- Sau đó, người thu thập số liệu bắt đầu thu thập số liệu bằng cách phát bộ câu hỏi cho SV và thu lại sau khi họ đã hoàn thành xong.

- Các thông tin thu thập được trong nghiên cứu đều được mã hóa, đánh số và được nhập vào phần mềm thống kê.

### 2.7. Xử lý số liệu

Kiểm định tính giá trị về nội dung (CVI) bộ công cụ

Bộ công cụ sau khi chuyên ngữ xong, đã xin ý kiến 4 chuyên gia thuộc các lĩnh vực giáo dục Điều dưỡng Gây mê hồi sức, theo thang điểm Likert 4 mức độ: (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Đồng ý, (4) Rất đồng ý, cho cả 3 tiêu chí: Rõ ràng, Dễ hiểu, Phù hợp và có thể áp dụng. Nếu câu hỏi được đánh giá ở mức 1 hoặc 2 sẽ được phân loại là 0 (không đạt), nếu câu hỏi được đánh giá ở mức 3 hoặc 4 sẽ được phân loại là 1 (đạt). Tính giá trị nội dung của bộ công cụ theo chỉ số (chỉ số giá trị nội dung của từng câu hỏi I - CVI, chỉ số giá trị nội dung của toàn bộ câu hỏi S - CVI). Công thức tính I-CVI = số chuyên gia đánh giá câu hỏi là đạt/tổng số chuyên gia được hỏi. Công thức tính S - CVI = tổng số lần các câu hỏi được đánh giá là đạt/tổng

số lần các câu hỏi được đánh giá (gồm cả đạt và không đạt).

*Kiểm định độ tin cậy của bộ công cụ*

- Tính thống nhất nội tại: tính nhất quán nội bộ các mục của thang đo SECP được kiểm tra bằng cách sử dụng hệ số tin cậy Cronbach's alpha.

- Tính tin cậy khi đánh giá lặp lại (test-retest reliability): Thử nghiệm được lặp lại lần hai trên 20 sinh viên Điều dưỡng Gây mê hồi sức trong khoảng thời gian hai tuần. Chỉ số tương quan nội bộ Intraclass Correlation coefficient (ICC) được sử dụng để đo độ tin cậy của kiểm tra - kiểm tra lại để tìm hiểu

mối tương quan giữa điểm số đánh giá lần 1 với điểm số đánh giá lần 2. ICC được đánh giá theo tiêu chí hệ số nhỏ hơn 0,4 có thể được hiểu là độ tin cậy kém; độ tin cậy khá từ 0,4 đến 0,59; độ tin cậy tốt từ 0,6 đến 0,75; và độ tin cậy rất tốt là  $\geq 0,75$ ) [12].

**2.8. Đạo đức trong nghiên cứu**

Đề tài đã được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y học của Đại học Y Dược TPHCM chấp thuận thông qua theo quyết định số 399/HĐĐĐ-ĐHYD, ngày 22/2/2024, trước khi triển khai nghiên cứu. Quyền lợi và thông tin cá nhân của đối tượng được bảo vệ theo đúng quy định của Hội đồng.

**3. KẾT QUẢ**

**3.1. Kiểm tra tính giá trị**

**3.1.1. Tính rõ ràng**

**Bảng 1.** Bảng giá trị nội dung của bộ câu hỏi SECP về tiêu chí rõ ràng

Các mục trong SECP	Chuyên gia				Số lượng chuyên gia đồng ý	I-CVI
	Chuyên gia 1	Chuyên gia 2	Chuyên gia 3	Chuyên gia 4		
Đánh giá ban đầu	1	1	1	1	4	1,0
Chẩn đoán và lập kế hoạch	1	1	1	1	4	1,0
Thực hiện	1	1	1	1	4	1,0
Đánh giá lại quá trình	1	1	1	1	4	1,0
S - CVI/Ave = 1,0						

Kết quả bảng cho thấy, Chỉ số I - CVI; S - CVI của các nội dung đánh giá của cả bộ câu hỏi SECP đều bằng 1,0. Tỷ lệ trung bình các mục đánh giá mức độ liên quan giữa 4 chuyên gia bằng 1,0; đáp ứng mức độ thỏa đáng về hiệu lực nội dung mang lại tính rõ ràng.

**3.1.2. Tính dễ hiểu**

**Bảng 2:** Bảng giá trị nội dung của bộ câu hỏi SECP về tiêu chí tính dễ hiểu

Các mục trong SECP	Chuyên gia				Số lượng chuyên gia đồng ý	I-CVI
	Chuyên gia 1	Chuyên gia 2	Chuyên gia 3	Chuyên gia 4		
Đánh giá ban đầu	1	1	1	1	4	1,0
Chẩn đoán và lập kế hoạch	1	1	1	1	4	1,0
Thực hiện	1	1	1	1	4	1,0
Đánh giá lại quá trình thực hiện	1	1	1	1	4	1,0
S - CVI/Ave = 1,0						

Các chỉ số I - CVI; S - CVI của những nội dung đánh giá liên quan bộ câu hỏi SECP đều rất cao (CVI=1,0). Ngoài ra, bảng 2 còn cho thấy mức độ cao về hiệu lực nội dung mang đến tính dễ hiểu cho đối tượng nghiên cứu.

3.1.3. Sự phù hợp và khả năng áp dụng

**Bảng 3:** Bảng giá trị nội dung của bộ câu hỏi SECP về tiêu chí phù hợp và khả năng áp dụng

Các mục trong SECP	Chuyên gia				Số lượng chuyên gia đồng ý	I-CVI
	Chuyên gia 1	Chuyên gia 2	Chuyên gia 3	Chuyên gia 4		
Đánh giá ban đầu	1	1	1	1	4	1,0
Chẩn đoán và lập kế hoạch	1	1	1	1	4	1,0
Thực hiện	1	1	1	1	4	1,0
Đánh giá lại quá trình thực hiện	1	1	1	1	4	1,0
S - CVI/Ave = 1,0						

Bảng trên cho thấy các câu hỏi được chia thành 4 mục trong bộ câu hỏi SECP đều có mức đồng ý cao giữa 4 chuyên gia (I - CVI = 1,0; S - CVI = 1,0). Như vậy, kết quả nghiên cứu chỉ ra bộ câu hỏi này có tính phù hợp và khả năng áp dụng để khảo sát “Nhận thức hiệu quả bản thân trong thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức”.

3.2. Kiểm tra độ tin cậy

**Bảng 6:** Độ tin cậy nội bộ của bộ câu hỏi SECP (n = 25)

Các mục trong SECP	Số lượng câu trong từng mục	Điểm Cronbach's alpha
Đánh giá ban đầu	12	0,92
Chẩn đoán và lập kế hoạch	9	0,92
Thực hiện	10	0,92
Đánh giá lại quá trình thực hiện	6	0,91
Bộ câu hỏi SECP	37	0,96

Kết quả được đánh giá về tính nhất quán nội bộ các mục của thang đo SECP phiên bản Tiếng Việt cho thấy hệ số Cronbach's alpha cho 4 lĩnh vực đều đạt mức rất tốt. Đồng thời, tính tin cậy nội bộ của toàn bộ câu hỏi rất cao (Cronbach's alpha = 0,96).

**Bảng 7:** Chỉ số tương quan nội bộ (ICC) để đo độ tin cậy của kiểm tra - kiểm tra lại

Các mục trong SECP	ICC	Khoảng tin cậy 95%	Giá trị p
Đánh giá ban đầu	0,73	0,57 - 0,81	0,03
Chẩn đoán và lập kế hoạch	0,61	0,40 - 0,90	0,04
Thực hiện	0,67	0,31 - 0,92	0,04
Đánh giá lại quá trình thực hiện	0,80	0,06 - 0,97	0,02
Bộ câu hỏi SECP	0,76	0,53 - 0,88	= 0,000

Độ tin cậy kiểm tra - kiểm tra lại trong nghiên cứu dao động từ 0,61 - 0,80 (p < 0,05), thể hiện độ tin cậy tốt. Điều này được lí giải rằng, các sinh viên tham gia nghiên cứu có tính nhất quán cao trong 2 tuần điều tra.

4. BÀN LUẬN

Bộ câu hỏi SECP đã được kiểm định tính giá trị và độ tin cậy trên đối tượng khảo sát là điều dưỡng GMHS trong một nghiên cứu

tại Iran [13]. Thêm vào đó, đánh giá nhận thức hiệu quả bản thân trong thực hành lâm sàng tại bệnh viện ở SV điều dưỡng GMHS nói riêng và khối ngành sức khỏe nói chung tại Việt Nam là

thật sự cần thiết. Do vậy việc chuẩn hóa bộ câu hỏi đánh giá mức độ nhận thức hiệu quả bản thân trong thực hành lâm sàng tại bệnh viện ở sinh viên là rất quan trọng. Kết quả cho ta thấy, bộ câu hỏi SECP phiên bản Tiếng Việt có tính giá trị nội dung và độ tin cậy nội bộ khá tốt, phù hợp cho mục tiêu đánh giá nhận thức này.

Thang đo phiên bản Tiếng Việt cuối cùng chứa 4 lĩnh vực với 37 câu hỏi tương đồng với bản gốc của Cheraghi và cộng sự (2009) [11].

Tính giá trị nội dung của thang đo đã được 4 chuyên gia xem xét và đánh giá với giá trị I - CVI cho từng câu hỏi và S-CVI cho toàn bộ câu hỏi đều cho kết quả là 1. Điều này cho thấy giá trị nội dung là tốt trên cả 3 tiêu chí rõ ràng, dễ hiểu, sự phù hợp và dễ áp dụng để đo lường nhận thức hiệu quả bản thân trong thực hành lâm sàng tại bệnh viện ở sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức. Kết quả được đánh giá về tính nhất quán nội bộ các mục của thang đo SECP phiên bản tiếng việt cho thấy hệ số Cronbach's alpha cho 4 mục lĩnh vực là lớn hơn 0,9. Kết quả này khá tương đồng với phiên bản gốc của tác giả Cheraghi và cộng sự được nghiên cứu tạo Iran (Cronbach's alpha = 0,96) [11]. Nghiên cứu của Polit và Beck (2006) cũng chỉ ra rằng CVI là một chỉ số quan trọng để đánh giá tính giá trị nội dung của các thang đo, và giá trị CVI từ 0,78 trở lên được coi là chấp nhận được. Do đó, kết quả của bạn với CVI bằng 1,0 khẳng định tính giá trị cao của bộ câu hỏi.

Độ tin cậy test-retest sau 2 tuần (ICC) trong nghiên cứu này dao động từ 0,61 - 0,80 ( $p < 0,05$ ), cho thấy kết quả hệ số tương quan nội lớp (test-retest) là khá tốt. Điều này được lí giải rằng các sinh viên tham gia nghiên cứu có tính nhất quán rất cao trong 2 tuần tiến hành nghiên cứu pilot. So sánh với nghiên cứu của Cheraghi và cộng sự (2009), chỉ số Cronbach's Alpha của họ cũng đạt 0,96 cho toàn bộ thang đo và từ 0,90 đến 0,92 cho các lĩnh vực [11]. Một nghiên cứu khác của Schwarzer và Jerusalem cũng cho thấy rằng chỉ số ICC từ 0,60 đến 0,80 là chấp nhận được trong các nghiên cứu [14]. Điều này cho thấy sự nhất quán và độ tin cậy cao của bộ câu hỏi SECP trong các nghiên cứu khác nhau. Ngoài ra, nghiên cứu của Bandura (1997) cũng chỉ ra rằng các thang đo có chỉ số Cronbach's Alpha trên 0,70 được coi là có độ tin cậy tốt, do đó khẳng định tính ổn định và nhất quán của bộ câu hỏi.

## 5. KẾT LUẬN

Đã chuẩn hóa được thang đo bộ câu hỏi khảo sát về nhận thức hiệu quả bản thân của sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, có hệ số tương quan nội lớp khá tốt. Kết quả ICC trong nghiên cứu dao động từ 0,61 – 0,80 ( $p < 0,05$ ) và tính giá trị nội bộ với hệ số Cronbach's Alpha là 0,96. Đồng thời, tính giá trị nội dung khá tốt (S – CVI bằng 1). Vì vậy việc sử dụng bộ câu hỏi trong thực tế là thuận tiện và khả thi để ứng dụng trong thực hành và nghiên cứu đo lường nhận thức hiệu quả bản thân của sinh viên điều dưỡng Gây mê hồi sức tại Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Yiin SJ, Shen KP, Lai CL, Liang JC. An evaluation of nursing students' learning self-efficacy: A multi-dimensional instrument development and structural validation. *Nurse Educ Today*. 2024;135:137
2. Schunk DH. Self-efficacy and education and instruction. In: Maddux JE, ed. *Self-Efficacy, Adaptation, and Adjustment: Theory, Research, and Application*. Springer; 1995:281-303. doi:10.1007/978-1-4419-6868-5\_10.
3. Pajares F. Self-efficacy beliefs in academic settings. *Rev Educ Res*. 1996;66(4):543-578. doi:10.3102/00346543066004543.
4. Bandura A. Self-efficacy mechanism in physiological activation and health-promoting behavior. In: Madden J IV, ed. *Neurobiology of Learning, Emotion, and Affect*. New York, NY: Raven Press; 1991:229-270.
5. Bandura A. *Social Foundations of Thought and Action*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall; 1986.
6. Köseoglu Y. Self-Efficacy and Academic Achievement--A Case from Turkey. *J Educ Pract*. 2015;6(29):131-141.
7. Dogan U. Student engagement, academic self-efficacy, and academic motivation as predictors of academic performance. *The Anthropologist*. 2015;20(3):553-561. doi:10.1080/09720073.2015.11891843.
8. Wang CH, Harrison J, Cardullo V, Xi L. Exploring the relationship among

- international students' English self-efficacy, using English to learn self-efficacy, and academic self-efficacy. *J Int Students*. 2017;8(1):233-250.
9. Opacic DA. The relationship between self-efficacy and student physician assistant clinical performance. *J Allied Health*. 2003;32(3):158-166.
10. Duchscher JE. Transition shock: the initial stage of role adaptation for newly graduated registered nurses. *J Adv Nurs*. 2009;65(5):1103-1113. doi:10.1111/j.1365-2648.2008.04898.x.
11. Trương Quang Trung, Vũ Thị Huyền, Nguyễn Thị Hương Lan. Mức độ tự tin và năng lực thực hành của Điều dưỡng mới tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội trong năm đầu tiên làm việc tại các cơ sở y tế. *Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam*. 2017;20:71-75.
12. Shrout PE, Fleiss JL. Intra-class correlations: uses in assessing rater reliability. *Psychological Bulletin*. 1979;86(2):420-428.
13. Cheraghi F. P, Hassani F, Yaghmaei, Alavi-Majed H. Developing a Valid and Reliable Self-Efficacy in Clinical Performance Scale. *Int Nurs Rev*. 2009;56(2):214-221.
14. Albooghobeish M, Saidkhani V, Angali KA, Farzaneh M. Clinical Decision-Making and Self-Efficacy Skills in Anesthesiology Nursing Students: A Cross-Sectional Study. *Shiraz E-Med J*. 2023;24(4).